| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ BA ĐỒN**<br>**TỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 11 - 2018
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Tưởng Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Trọng Sơn
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Hoài Sơn

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Trần Võ Mỹ H, năm 1989

Nơi cư trú: Khu phố 1, phường Đ, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Khu phố 1, phường Đ, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị H trình bày: Chị và anh T đã gặp và quen nhau vào năm 2012, sau một thời gian tìm hiểu nhận thấy anh T có tính tình hiền lành, thật thà, có công việc và thu nhập đảm bảo nên chị và anh T đã quyết định đi đến hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Q (nay là Uỷ ban nhân dân phường Đ, thị xã B), tỉnh Quảng Bình, vào ngày 28/5/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, chị nhận thấy anh T có nhiều biểu hiện, hành vi thô lỗ, hay say xỉn, gây gỗ trong gia đình. Anh T không có trách nhiệm với vợ, con về tinh thần cũng như vật chất và có nhiều hành vi xử sự vượt quá mức độ cho phép. Với tình trạng hôn nhân như vậy nên giữa chị và anh T có rất ít thời gian hoà thuận, hạnh phúc, chị đã nhiều lần níu kéo nhưng không được. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến

nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 27/6/2014, nếu ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Quá trình chung sống chị và anh T không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Theo Biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Anh Nguyễn Anh T trình bày: Anh và chị H có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân như chị H đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại nhà bố mẹ anh được một thời gian, đến khi chị H sinh con thì vợ chồng về sống tại nhà bố mẹ chị H, cuộc sống vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn. Đến năm 2016 chị H phát hiện mình bị bướu nên tính tình có nhiều thay đổi và vợ chồng từ đó phát sinh mâu thuẫn, thỉnh thoảng có cãi vả nhau, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn thì anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con như chị H trình bày, nếu ly hôn anh yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm; bị đơn không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Toà án gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Anh T; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Trần Võ Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Anh T; giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc anh T cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 12/2018 cho đến khi con trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Trần Võ Mỹ H có đơn yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Anh T, hiện tại anh T có hộ khẩu thường trú tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhưng anh T vắng mặt, không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 31/10/2018, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 1nhưng anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên tòa ngày 15/11/2018, Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Q (nay là uỷ ban nhân dân phường Đ, thị xã B), tỉnh Quảng Bình vào ngày 28/5/2013. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc là do tính tình hai bên không hợp, thường xuyên xảy cải vã, bất đồng quan điểm nên đã phát sinh mâu thuẫn. Đặc biệt là từ khi chị H phát hiện mình bị bệnh bướu cổ, anh T lại không quan tâm, chăm sóc vợ con thì mâu thuẫn giữa vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối đầu năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/10/2018, anh T có nguyện vọng mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc nhưng quá trình giải quyết vụ án anh T không có mặt theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh T thực sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Võ Mỹ H là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 27/6/2014, xét thấy hiện nay con đang còn nhỏ và đang sống chung với chị H, nguyện vọng xin được nuôi con của chị H là hoàn toàn chính đáng nên cần căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình, giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc anh T cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 12/2018 cho đến khi còn trưởng thành, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống bản thân. Sau khi ly hôn người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom con mà không được ai cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản: Quá trình chung sống chị H, anh T không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp tiền án phí ly hôn, anh T phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ Nhà nước.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt: Bị đơn chị anh Nguyễn Anh T

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Võ Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Anh T

3. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 27/6/2014 cho chị Trần Võ Mỹ H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc anh Nguyễn Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 12/2018 cho đến khi còn trưởng thành, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom con mà không được ai cản trở.

4. Về tài sản chung: Không xem xét

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Xử buộc chị Trần Võ Mỹ H phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002266, ngày 31/8/2018. Buộc anh Nguyễn Anh T nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Tưởng Thị Hà**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.